Ý HỆ VÀ KHÔNG TƯỞNG: HAI BIỂU ĐẠT CỦA TRÍ TƯỞNG TƯỢNG XÃ HỘI

Paul Ricoeur

Lưu Hồng Khanh *dịch*

Nguyên văn: L'idéologie et l'utopie:

Deux expressions de l'imaginaire social

Nguồn: Du texte à l'action, Seuil, 1986, 379-392, [1976]

Mục đích của tôi trong bài tiểu luận này là đặt thành mối tương quan hai hiện tượng cơ bản mà chúng đóng một vai trò quyết định, nói lên cách thức chúng ta định vị mình trong lịch sử, để kết nối những mong chờ của chúng ta trong tương lai, với những truyền thống của chúng ta thừa hưởng được từ quá khứ, và những sáng kiến của chúng ta trong hiện tại. Quả là một điều đáng ghi nhận, việc thông qua trí tưởng tượng – một trí tưởng tượng không phải chỉ với tính cách cá nhân nhưng là với tính cách tập thể – mà ta thao tác việc ý thức này.

Đàng khác, điều đối với tôi xem ra như là một chủ đề nghiên cứu hi hữu, đó là sự kiện cái điều tưởng tượng xã hội hay văn hóa này không phải là một việc đơn lẻ nhưng là song đôi. Nó thao tác khi thì dưới hình thức Ý hệ, khi thì dưới hình thức Không tưởng. Trong đó có một bí ẩn đáng được lưu tâm bởi các nhà giáo dục cũng như bởi các chính trị gia, nhà xã hội học hay nhân chủng học, và dĩ nhiên cả các triết gia. Với cái trí tưởng tượng kép này, chúng ta đụng chạm đến cái cấu trúc thiết yếu mang tính xung đột của cái trí tưởng tượng đang được bàn đến.

Cũng cần phải thú nhận rằng, mọi toan tính suy tư và tìm hiểu về Ý hệ và Không tưởng hoặc chung với nhau, hoặc đối chiếu lẫn nhau, đều gặp phải những khó khăn lớn. Trước hết, mỗi thành phần của hai đối cực này, khi lấy riêng ra thì nó đưa lại một nghĩa rất thường mang tính cách tranh luận, đôi khi tiêu cực, làm ngăn trở việc thông hiểu tác dụng xã hội của trí tưởng tượng tập thể.

Điều khó khăn thứ nhất này lại phản chiếu một khó khăn khác. Nếu là điều dễ dàng, việc sử dụng hai từ ngữ này trong một nghĩa tranh luận, thì ngay với cả các nhà xã hội học lưu tâm đến những miêu tả vô tư, thì mỗi từ ngữ này đều biểu đạt một khía cạnh tích cực và một khía cạnh tiêu cực, hoặc -nói cách khác- một tác dụng xây dựng và một tác dụng phá hoại.

Ta hãy đi xa thêm. Đối với một khảo luận hời hợt, thì giữa hai tác dụng xây dựng và phá hoại vừa nói, người ta thấy khía cạnh hầu như bệnh hoạn hiện đến trước tiên. Như vậy, ta sẽ bằng lòng với định nghĩa Ý hệ như một tiến trình bóp méo và che giấu, cả đối với chúng ta, thí dụ như về giai cấp xã hội của mình, và một cách chung về hình dạng nào ta thuộc về các cộng đoàn mà mình tham gia. Ý hệ như thế được đồng hóa thuần túy và đơn giản với một

lời nói dối xã hội, hoặc nghiêm trọng hơn, như một ẩn ý che dấu địa vị xã hội của mình, cùng với những ưu đãi và những bất công của nó.

Và ngược lại, chúng ta sẵn sàng tố giác Không tưởng như chỉ là một sự trốn thoát khỏi thực tại, một thứ khoa học-hư cấu (science-fiction) ứng dụng trong chính trị. Chúng ta phê phán cái xơ cứng của các dự án Không tưởng và vứt bỏ chúng đi, một khi xem ra như chúng không bày tỏ ra một ưu tư suy nghĩ nào về những bước đi đầu tiên phải thực hiện trên đường hướng chúng nêu ra, và một cách chung, về tất cả những gì liên quan đến cái logic hành động. Không tưởng như thế sẽ chỉ là một cách mơ ước hành động bằng cách tránh né suy tư về những điều kiện khả dĩ thâm nhập được vào trong hoàn cảnh hiện tại.

Sự phân tích mà tôi đề xuất ở đây căn cứ vào việc sắp đặt lại cho mạch lạc và sáng tỏ:

(1). những ý nghĩa và những chức năng khác biệt của hai hình thức trí tưởng tượng xã hội;

(2). đặt lên song song các cấp bậc của chúng;

(3). và cuối cùng tìm hiểu sự tương quan đối trọng sâu xa nhất giữa chúng với nhau.

Như vậy, tôi sẽ tiến hành việc phân tích từ các cấp bậc, dẫn đưa từ cấp sơ bộ đến cấp sâu hơn. Tôi sẽ sử dụng một cấu trúc phân tích tương đương như thế trong phần Ý hệ cũng như trong phần Không tưởng, chuẩn bị cho suy tư ứng dụng về những tương quan chiều sâu của chúng.

I - Ý hệ

Tôi đề nghị khảo xét ba cách sử dụng – cả ba đều chính đáng – về khái niệm Ý hệ tương ứng với ba cấp bậc chiều sâu của chúng:

(1) Ý hệ với nghĩa bóp méo/che giấu (distorsion/dissimulation);

(2) Ý hệ với nghĩa mang tính biện hộ/chính danh (justification/légitimation);

(3) Ý hệ với nghĩa mang tính sát nhập (intégration).

(1) Ý hệ như là sự "Bóp méo/Che giấu" (distorsion/dissimulation); Tôi bắt đầu với việc sử dụng từ "Ý hệ" được phổ biến bởi các văn phẩm của Marx-trẻ vào thời kỳ những thủ bản kinhtế-chínhtrị 1843-1844, và nhất là với tác phẩm "Ý hệ Đức quốc" (Die deutsche Ideologie, 1846). Tiện thể, tôi lưu ý rằng chính từ ngữ này cũng đã được vay mượn từ các triết gia rất đáng kính trọng và họ cũng đã tự gọi chính mình là những triết gia ý hệ, và tại Pháp là những kẻ thừa kế đại triết gia Pháp Etienne Condillac (1715-1780). Đối với họ, Ý hệ là một sự phân tích các tư tưởng được hình thành bởi trí khôn con người.

Chính Napoléon (1769-1821) là kẻ đã lên án các nhà ý hệ vô hại này là một đe dọa đối với trật tự xã hội, đồng thời ông thiết định ý nghĩa tiêu cực cho từ ngữ Ý hệ như nơi đây. Biết đâu chừng cũng có một Napoléon ẩn giấu trong mọi tố cáo đối với Ý hệ, nhưng đó là một vấn đề chúng ta sẽ còn bàn đến trong một đoạn sau.

Cũng là một điều rất đáng lưu ý, việc Marx-trẻ đã sử dụng một ẩn dụ để làm cho người ta hiểu ý nghĩa của từ Ý hệ. Ông đã sử dụng ẩn dụ hình ảnh đảo ngược trong phòng tối, điểm xuất phát kỹ thuật làm ảnh. Và từ đó, chức năng đầu tiên được gán cho ý hệ là tạo tác ra một hình ảnh đảo ngược của thực tại. Ẩn dụ này muốn nói lên điều gì? Chúng ta thấy điều đó

nơi Karl Marx (1818-1883), triết gia, kinh tế và chính trị gia Đức, vừa là một áp dụng chính xác, vừa là một sử dụng được phổ biến rộng rãi. Nhưng việc áp dụng thật sự chính xác lại đã đến từ Ludwig Feuerbach (1804-1872), triết gia Đức.

Với văn phẩm bàn về Tôn giáo như là sự "Bóp méo / Che giấu" thực tại.

Trong tác phẩm Điều thiết yếu của Kitô-giáo (L'Essence du Christianisme) Feuerbach đã cho rằng, trong tôn giáo, các đặc tính (mà ông gọi là các thuộc tính) thuộc sở hữu của chủ thể con người đã bị phóng chiếu vào một chủ thể thần linh tưởng tượng, đến đỗi những thuộc tính thần linh của con người nay trở nên những thuộc tính duy nhân của một chủ thể thần linh. Marx đã nhìn thấy trong sự đảo ngược này cái mô hình cho mọi đảo ngược mang tính cách ý hệ, Và như thế, sự phê phán tôn giáo nơi Feuerbach đã được thiết định nên như mô hình mẫu mực, -cái hệ hình (paradigme)- cho sự diễn giải cái ẩn dụ hình ảnh đảo ngược trong bóng tối (camera obscura). Điều đặc biệt mang tính Marxit trong việc lấy lại ý tưởng của Feuerbach nơi đây, là sự liên kết được Marx thiết dựng nên giữa hình dung và thực tại của cuộc sống mà ông gọi là thực hành (praxis). Như vậy, ta đi từ một nghĩa hẹp qua nghĩa tổng quát của từ "Ý hệ".

Theo nghĩa này, thì trước hết có một cuộc sống thiết thực của con người: đó là sự thực hành (praxis) của họ; tiếp đến có một phản ảnh về cuộc sống này trong tưởng tượng và đó là ý hệ. Ý hệ như thế trở nên tiến trình tổng quan, qua đó tiến trình của cuộc sống thiết thực -cái praxis- bị sai trật bởi sự hình dung tưởng tượng mà người ta tạo ra.

Và tức khắc, ta thấy nghĩa vụ của cách mạng được gắn liền với lý thuyết ý hệ; nếu Ý hệ là một hình ảnh bị biến dạng, một sự đảo ngược, một sự che dấu cuộc sống thật, thì phải làm cho con người từng đi bằng đầu nay phải đi trên đôi chân –Hegel (1770-1831), triết gia Đức, trước tiên (sic)- và đưa những ý tưởng từ trời của tưởng tượng xuống đất của thực hành (praxis). Qua đó, là đại khái nói lên định nghĩa thứ nhất về "Duy vật lịch sử", điều không có tham vọng bao quát toàn thể mọi sự vật, nhưng chỉ nói lên sự liên kết giữa thế giới các hình dung với thế giới cuộc sống thực, cái praxis.

Về giai đoạn thứ nhất của sự phát triển chủ nghĩa Marxit này, Ý hệ chưa được bàn đến như là đối nghịch với khoa học, bởi cái khoa học viện chứng này sẽ chỉ được trình bày trong tác phẩm Tư bản (Das Kapital, 1867). Chỉ sau này, khi chủ nghĩa Marxit được thiết định nên như tổng hợp lý thuyết -chính yếu nơi các hậu duệ của Marx trong Dân chủ xã hội Đức (Deutsche Sozial-Demokratie), mà Ý hệ sẽ tổng quan đối nghịch lại với khoa học, chứ không còn chỉ đơn thuần -như Marx thời kỳ đầu- đối đầu với praxis. Ta hiểu làm sao sự trượt dốc này đã được xẩy ra: nếu ta chấp nhận, chủ nghĩa Marxit là khoa học đích thực của tiến trình kinh tế-xã hội, là bởi sự thực hành (praxis) của con người có được cái quy chế khoa học, ngược lại với các hình dung tưởng tượng mà mọi khái niệm khác về cuộc sống xã hội và chính trị bị lún sâu vào.

Vấn đề của tôi từ đây không phải là sự biện bác cái khái niệm Marxit thứ nhất về Ý hệ này, nhưng là định vị nó đối chiếu với một chức năng nền tảng hơn và nhất là thiết định hơn của thực tại xã hội và của chính cái thực hành (praxis).

Tại sao nười ta không thể kiên trì nắm giữ cái khái niệm về Ý hệ đầu tiên này? Cái ẩn dụ sự đảo ngược ẩn giấu một thiếu sót giải thích nghiêm trọng. Nếu người ta chấp nhận cuộc sống thật -cái thực hành (praxis)- về pháp lý cũng như về sự kiện, là bước đi ưu tiên trước ý thức và các hình dung của nó, thì người ta không thể hiểu làm sao mà cuộc sống thật lại có thể sản xuất ra một hình ảnh về chính mình, và hơn nữa, một hình ảnh đảo ngược. Người ta chỉ có thể hiểu được điều đó, nếu họ phân biệt được trong chính cái cấu trúc của hành động một môi giới biểu trưng có thể bị làm cho sa đọa. Nói cách khác, nếu hành động đã không bị nhồi nhuyễn bởi hình ảnh tưởng tượng, thì người ta không thể thấy làm sao một hình ảnh sai lạc lại có thể nẩy sinh ra từ thực tại. Người ta biết tại sao các nhà Marxit chính thống lại đã từng vướng mắc vào cái khái niệm "ý thức phản ảnh" (conscience reflet), điều chỉ là sự lặp lại cái ẩn dụ xưa rày về cái hình ảnh đảo ngược. Bởi vậy cần phải hiểu, trong nghĩa nào trí tưởng tượng là đồng hiện hữu với tiến trình thực hành (praxis).

Như vậy, chúng ta nay đi đến cấp bậc thứ hai:

(2) Ý hệ mang tính Biện hộ (justification) / Chính danh (lesgitimation); Chính Marx cũng hiểu như thế, khi ông từng tuyên bố "Tư tưởng của giai cấp thống trị trở nên tư tưởng thống trị, bằng cách được cho là những tư tưởng phổ cập". Và như thế, những lợi ích riêng tư của một giai cấp riêng biệt nay trở nên những lợi ích phổ cập. Qua đó, Marx đã đụng chạm đến một hiện tượng hi hữu hơn chỉ là khái niệm đảo ngược hay che giấu. Vấn đề này vượt qua hẳn vấn đề các giai cấp xã hội. Chúng ta đều biết -nhất là thông qua kinh nghiệm về hiện tượng toàn trị- rằng hiện tượng thống trị, nhất là khi nó trở thành khủng bố, là một hiện tượng rộng lớn hơn và kinh khủng hơn là vấn đề giai cấp và tranh đấu giai cấp. Mọi thống trị đều muốn biện hộ cho mình, và nó làm điều đó bằng cách sử dụng những khái niệm khả dĩ được nhìn nhận là phổ cập, nghĩa là có hiệu lực cho tất cả mọi người.

Để thể hiện điều kiện này, thì ngôn ngữ học có thể cung cấp một phương tiện cực kỳ thích ứng; đó là ngành Tu từ học / Hùng biện học (Rhétorique) với khả năng cống hiến những tư tưởng phổ cập cũng như ngụy-phổ cập (pseudo-universelles). Sự kết nối giữa thống trị và Tu từ học / Hùng biện học đã có từ rất lâu, từ cả Thời cổ đại Hi-lạp. Platon (427-347 tCN), triết gia Hilạp, hẳn là người đầu tiên đã nhấn mạnh rằng, không thể có bạo quyền mà không cậy nhờ đến một biện giả (sophiste). Sức mạnh tàn bạo không thể có hiệu quả, nếu không nhờ vào tính thuyết phục được giao phó cho các biện giả công cộng. Cũng để khai thác mối tương quan giữa thống trị và Tu từ học / Hùng biện học này, mà môn Xã hội học văn hóa là một môn học ích lợi. Môn học này cho thấy, không một xã hội nào có thể vận hành mà không có những tiêu chuẩn, những lề luật, và toàn bộ biểu trưng học xã hội, điều cuối cùng này cũng đòi hỏi một Tu từ học / Hùng biện học về diễn ngôn công cộng.

Bằng cách nào mà bộ môn học này đạt được chủ đích của mình, chủ đích thuyết phục? Đó là nhờ vào sự liên lỉ sử dụng các biểu trưng, các biểu tượng, như ẩn dụ, hài hước, dị nghĩa, quá thuyết. Như ta thấy, đó là toàn bộ các hình ảnh văn học rất quen thuộc trong phê bình văn học có từ thời Cổ đại Hi-lạp cũng như Rô-ma. Quả thật, không ai có thể tưởng nghĩ về một xã hội không biểu dương mình ra với những Tu từ học / Hùng biện học và những diễn ngôn công cộng. Điều ấy không phải là một yếu kém, càng không phải là một tật xấu, nhưng quả là một sự vận hành sinh sống bình thường của diễn ngôn kết hợp với hành động, với cái hành động mà Marx gọi là sự thực hành (praxis).

Vậy, vào thời điểm nào người ta có thể gọi cái Tu từ học / Hùng biện học của diễn ngôn công cộng này là một "Ý hệ"? Theo tôi, trước mọi giảo thuật và mọi giấu diếm, đó là một sự vận hành -dĩ nhiên đầy cạm bẫy- nhưng thiết yếu và không thể chống cưỡng. Max Weber (1864-1920), nhà xã hội học Đức, trong Kinh tế và Xã hội (Économie et Société / Wirtschaft und Gesellschaft), đầu thế kỷ XX đã cho thấy, mọi nhóm xã hội phát triển đều nhất thiết đạt đến trình độ, nơi có một sự phân biệt xảy ra giữa người cai trị và người bị trị, và nơi đó mối tương quan bất cân xứng này nhất thiết đòi hỏi một Tu từ học / Hùng biện học có tính thuyết phục, dẫu chỉ để giới hạn việc sử dụng bạo lực trong sự thiết dựng trật tự.

Mọi hệ thống kiểm soát xã hội trong nghĩa này đều giựa trên một sự vận hành Ý hệ với chủ đích chính danh hóa sự đòi hỏi quyền lực của mình. Điều ấy không chỉ đúng về quyền lực mà Max Weber gọi là quyền lực đặc ân (charismatique), cũng không phải là quyền lực giựa trên truyền thống, kể cả quốc gia hiện đại mà ông mô tả là quốc gia quan liêu công sở. Tại sao lại như thế? Là tại vì cái tham vọng được nên chính danh của một hệ thống quyền lực luôn vượt qua cao hơn cái chính danh tự nhiên như ta thường nghĩ. Nơi đây có một khoảng cách phải được lấp đầy, một thứ giá trị thặng dư về lòng tin mà mọi quyền lực thấy cần phải đòi hỏi nơi đám thuộc hạ của mình. Khi tôi nói giá trị thặng dư, là khi tôi dĩ nhiên ngụ ý nói đến khái niệm mà Marx đã áp dụng chỉ cho những tương quan giữa tư bản và lao động, nghĩa là cho lĩnh vực sản xuất, nhưng tôi nghĩ có thể áp dụng một cách chung cho mọi tương quan thống trị. Nơi đâu có quyền lực, nơi đó có đòi hỏi tính chính danh. Và nơi đâu có một đòi hỏi tính chính danh, nơi đó có sự chạy chữa đến Tu từ học / Hùng biện học của diễn ngôn công cộng với mục đích thuyết phục.

Hiện tượng này theo tôi là sự thiết định cấp bậc thứ hai của hiện tượng Ý hệ. Tôi biểu thị nó với khái niệm chính danh hóa, chứ không còn là khái niệm bóp méo /che giấu như trong cấp bậc thứ nhất. Tôi nhấn mạnh một lần nữa về bản chất của hiện tượng. Chúng ta có thể nghi ngờ về điều đó, và dĩ nhiên luôn phải nghi ngờ về điều đó; nhưng chúng ta không thể tránh né điều đó; mọi hệ thống quyền lực đều bao hàm một đòi hỏi sự chính danh vượt trên những gì mà các thành viên của chúng có thể cung cấp dưới dạng niềm tin. Về việc này, sẽ là một điều hi hữu có thể bàn luận các lý thuyết rất ư là trứ danh về khế ước xã hội từ Thomas Hobbes (1588-1679), triết gia Anh, đến Jean-Jacques Rousseau (1712-1778), triết gia và nhà văn Thụy Sĩ: mỗi lý thuyết đó, vào một khoảnh khắc nào đó, trong dòng một lịch sử hư cấu một bước nhảy do đó, mà người ta đi từ tình trạng chiến tranh qua tình trạng hòa bình dân sự bằng một sự buông thả ra (désaisissement). Chính cái bước nhảy này mà không một lý thuyết nào về khế ước xã hội đã giải thích: quả thật nó bao hàm sự khai sinh một quyền lực và sự khởi đầu một tiến trình của sự chính danh. Cũng bởi vậy mà chúng ta không có được một sự tiếp cận nào vào thời điểm số không này của khế ước xã hội, nghĩa là vào thời khắc lúc sinh thành một trật tự xã hội với bất cứ một tên gọi nào. Chúng ta chỉ biết các hệ thống quyền lực phân xuất từ các hệ thống quyền lực trước kia, nhưng chúng ta không bao giờ tham dự vào sự sinh thành của hiện tượng quyền lực.

(3) Ý hệ với nghĩa mang tính "Sát nhập" (Intégration); Nhưng, nếu chúng ta không thể sinh ra hiện tượng quyền lực, thì chí ít chúng ta cũng có thể hiểu được quyền lực giựa trên những cơ sở nào còn sâu xa hơn. Và đó là cấp bậc thứ ba của hiện tượng Ý hệ. Chức năng của nó theo tôi là chức năng Sát nhập (Intégration), cơ bản hơn chức năng Chính

danh (Légitimation), và càng cơ bản hơn chức năng Bóp méo / Che giấu (Distorsion/Dissimulation).

Và để làm cho dễ hiểu vấn đề này, tôi sẽ bắt đầu với một trường hợp mà chức năng Sát nhập có phần hiển nhiên rõ ràng. Đó là trường hợp những lễ nghi tưởng niệm, qua đó một cộng đoàn nào đó cập nhật những biến cố mà họ nghĩ là nền tảng của bản sắc riêng biệt của họ; đó là một cấu trúc biểu trưng của ký ức xã hội. Không ai biết có thể có chăng những xã hội không chút tương quan nào với những biến cố khai mở mà sau đó bỗng hiện ra như nguyên thủy của chính cộng đoàn của họ. Tôi nghĩ đến những hiện tượng như Tuyên ngôn Độc lập Bắc Mỹ hay việc Chiếm cứ ngục tù Bastille trong Cách mạng Pháp, hoặc nữa Cách mạng tháng Mười nước Nga cộng sản. Trong tất cả những trường hợp đó, chính bởi tưởng niệm biến cố mà một cộng đồng giữ một tương quan với gốc rễ của mình trong biến cố nền tảng. Vậy vai trò của Ý hệ ở đây là gì?

Đó là vai trò truyền đi xác tín cho rằng, những biến cố nền tảng kia là cơ bản cho ký ức xã hội và, qua đó, là chính bản sắc của cộng đồng. Nếu mỗi người chúng ta có thể đồng hóa mình với lịch sử mà mình thuật kể lại về chính mình, thì đối với toàn thể xã hội cũng vậy, với khác biệt này là chúng ta đồng hóa mình với những biến cố không còn phải là ký ức trực tiếp của một ai, và chúng chỉ là ghi nhớ của một nhóm nhỏ giới hạn của các cha ông nguyên thủy. Và như thế, nơi đây chức năng của Ý hệ là vai trò chuyển tiếp cho ký ức tập thể, để cho giá trị khởi đầu của những biến cố sáng nghiệp trở nên đối tượng cho niềm tin của toàn thể cộng đồng. Do đó, chính cái tác hành nền tảng chỉ có thể tái nghiệm và tái cập nhật, thông qua phương cách các diễn giải, điều không ngừng được hình dung lại, và chính cả biến cố sáng lập được biểu hiện một cách ý hệ đối với ý thức của nhóm người.

Có thể không có nhóm xã hội nào -thuộc một giai cấp hay một dân tộc- mà không có một tương quan gián tiếp đối với những biến cố mà nhóm người đó cho là biến cố khởi đầu với ý nghĩa là nền tảng. Thí dụ trường hợp điển hình về mối tương quan giữa sự tưởng niệm và biến cố sơ khởi, thông qua một hình dung của Ý hệ này, có thể dễ dàng được tổng quát hóa. Mọi nhóm người được tồn tại, thủ đắc được một thế đứng vững chắc, bền bỉ, nhờ vào chân dung bền bỉ, vững chắc mà nhóm người đó đặt ra cho mình. Cái chân dung vững chắc và bền bỉ này biểu hiện cái tầng cấp sâu xa nhất của hiện thượng Ý hệ.

Nhưng tức khắc ta thấy, cái tầng cấp cơ bản mà chúng ta vừa nắm bắt được, thông qua phương pháp phân tích đi lùi, chỉ có thể thực hiện được nhờ vào hai phương pháp bổ sung khác. Nói cách khác, chức năng Sát nhập này tiếp nối các chức năng Che giấu và chức năng Chính danh. Tôi xin giải thích thêm. Chúng ta hãy xem lại trường hợp vừa thuật kể, trường hợp một nhóm người tưởng niệm những biến cố mà họ cho là nền tảng cuộc đời của họ. Là một điều khó, cho sự nồng nhiệt của cội nguồn được luôn mãi vững chắc và bền bỉ. Rất sớm, những quy ước, những tập tục, những thói quen được trà trộn vào niềm tin, làm nên như một sự khống chế ký ức. Mọi sự việc xảy ra xem như Ý hệ giữ vững được sức lực điều động của nó, chỉ nhờ vào tính chính danh quyền lực của nó, cho phép cộng đồng biểu hiện mình như một cá thể lớn trên sân khấu thế giới. Người ta thấy điều đó thông qua cách thức mà sự tưởng niệm dễ dàng tự biến mình nên như luận cứ sáo mòn: qua đó, chúng ta khẳng định "thật tốt rồi, việc chúng ta là như chúng ta là".

Ý hệ tiếp tục sự thoái hóa, khi ta nhìn ra cái đơn giản hóa nhiều khi trở nên quá kệch cỡm, và cái tiến trình Sát nhập tiếp nối cái tiến trình Chính danh trở nên quá kiêu hãnh. Dần dà, Ý hệ trở nên một cái khung suy tư hống hách, chuyên quyền và giả tạo, không những về lề lối và cách sống của nhóm người, màcòn về cái chỗ đứng của họ trong lịch sử nhân loại. Và một khi trở nên viễn ảnh của thế giới, Ý hệ trở nên một cái mật hiệu phổ cập để diễn giải mọi biến cố của thế giới. Từng bước từng bước, chức năng Biện hộ lây lan sang qua cả đạo đức, tôn giáo, rồi cả đến khoa học. Không phải chúng ta không biết cái cuồng ý được rao truyền khắp nơi, rằng có một khoa học tư sản và một khoa học vô sản, một nghệ thuật tư sản và một nghệ thuật vô sản? Cái lây lan này không để yên cho một hiện tượng xã hội nào.

Jürgen Habermas (s.1929), triết gia và nhà xã hội học Đức, trong một văn phẩm trứ danh nhất của ông (La Technique et la Science comme 'idéologie', Gallimard, 1973) đã chỉ ra cái đặc tính ý hệ trong sự biểu hiện khoa học và kỹ thuật mà ta nói về thực tại. Nó là Ý hệ trong nghĩa được hiểu chỉ có một chức năng, chức năng mưu mô và kiểm soát thủ lợi, thay thế mọi chức năng khác an lành, như những chức năng tương thông tương giao, tôn trọng đạo đức, chiêm nghiệm siêu hình và linh giáo. Như vậy, toàn thể cái hệ thống tư tưởng của chúng ta bị biến đổi nên một tín ngưỡng tập thể, luột khỏi tầm nhìn của phê phán.

Nhưng không thể để cái suy thoái của cái Ý hệ này làm ta đánh mất đi cái nhìn về vai trò thiết yếu tích cực, xây dựng và bổ ích của Ý hệ trong nghĩa cơ bản tích cực của nó. Một lần nữa, luôn luôn thông qua một ý tưởng, một hình ảnh tượng hình chính mình, mà một nhóm người biểu hiện cho mình cái hiện hữu của chính mình, và chính cái hình ảnh này, đáp lại, tăng cường cái bản sắc của mình. Điều vẫn luôn đúng về những phân tích mang tính phê phán nhất và tiêu cực nhất về hiện tượng Ý hệ, là việc cái hình ảnh được lý tưởng hóa này không thể không sinh ra cái mà trong ngôn ngữ Phân tâm học được gọi là sự "duy lý hóa" và được tỏ bày ra trong sự nghi lễ hóa trong gia đình vào mọi dịp lễ lạc. Thêm vào cho cái Tu từ học / Hùng biện học của cái diễn ngôn công cộng, nơi đây lại thêm các châm ngôn, khẩu hiệu, câu kéo đanh đá, làm cho cái diễn ngôn thường trở nên một khí giới sát thương.

Bởi vậy, cần phải chuyển bước đi qua cả hai chiều hệ thống các cấp bậc và chủ trương cũng cùng với một năng lực về ý tưởng, rằng lầm lẫn không phải là hiện tượng cơ bản nhất, nhưng là sự sa đọa của tiến trình Chính danh, điều này bắt rễ từ sự sa đọa của tiến trình Sát nhập của Ý hệ, và luận điểm ngược lại, theo đó thì mọi thứ lý tưởng hóa (idéalisation) nhất thiết đều dẫn đến việc biến hóa mình thành Bóp méo / Che dấu / Lừa dối.

II - Không tưởng

Tại sao việc phân tích vừa rồi về Ý hệ lại kêu mời một phân tích tương song về Không tưởng? Là bởi lý do cơ bản rằng, ba chức năng mà ta nhìn nhận ra nơi Ý hệ có một nét chung, đó là việc diễn giải về cuộc sống thực. Đó là điều mà Marx-trẻ đã đích thực nhìn ra. Nhưng cái chức năng bổ sung cái thực tại này không phải khiên cưỡng là một điều dối trá: nó cũng cố hữu với chức năng Chính danh và nhất là với chức năng Sát nhập. Bởi Ý hệ, như đã nói, nhóm người tin vào cái căn tính riêng biệt của mình. Như vậy, dưới ba hình thức, Ý hệ tăng sức, cặp đôi, giữ gìn và, trong nghĩa này, bảo quản tổ nhóm xã hội như nó là. Và từ đó, chức năng của Không tưởng trong việc phóng chiếu trí tưởng tượng ra khỏi thực tại, đưa đến một nơi khác, cũng là không nơi đâu. Chính đó là ý nghĩa đầu tiên của từ "utopie" một nơi, cái là

một nơi khác; một nơi khác, cái là không một nơi nào. Ở đây phải nói không những về khái niệm Không tưởng với nghĩa không nơi chốn (u-topie = u-topos), mà còn Không tưởng với nghĩa không thời gian: (u-chronie = u-chronos), với nghĩa ngoại-thời gian, một thời gian khác.

Để làm cho hiểu chức năng bổ sung của Không tưởng đối chiếu với Ý hệ, ta phải kinh qua Ba ý nghĩa song song của Không tưởng, nhưng lần này bằng con đường ngược lại, bắt đầu từ dưới lên trên. Quả thật sẽ dễ dàng hơn việc chỉ ra, tại sao Không tưởng trong ý nghĩa cơ bản của nó là điều bổ sung thiết yếu cho Ý hệ trong ý nghĩa cơ bản của nó. Nếu Ý hệ bảo trì và giữ gìn (préserve et conserve) thực tại, thì Không tưởng lại thiết yếu đặt nó thành vấn đề. Không tưởng, trong nghĩa này, là biểu hiện của mọi năng lực của một nhóm người trong tình trạng bị xua đẩy bởi trật tự hiện hành. Không tưởng là một vận dụng của trí tưởng tượng để nghĩ ra một "tồn tại cách khác" của xã hội.

(1) Lịch sử của Không tưởng cho ta thấy không một lĩnh vực sự sống xã hội nào mà không có Không tưởng: nó là giấc mơ về một cách thức sống khác trong gia đình, một cách thức khác sở hữu tài sản và tiêu thụ hiện vật, một cách khác tổ chức cuộc sống xã hội chính trị, một cách khác sống cuộc đời linh đạo. Do đó, ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Không tưởng không ngừng tạo ra những dự án đối nghịch lẫn nhau; bởi các dự án đó đều có một điều giống nhau là tất cả đều nhắm đào mòn từ bên trong cái trật tự xã hội dưới mọi hình thức. Mà trật tự nhất thiết có nhiều đối nghịch.

Như trong lĩnh vực gia đình, người ta thấy rất nhiều hình thức Không tưởng: từ hình thức kiêng cữ biệt tu cho đến đồng tình luyến ái, từ cộng đoàn chung sống cho đến cuồng nhiệt phóng dục; trong lĩnh vực thuần kinh tế, các hình thức Không tưởng đi từ chủ trương cực kỳ khắc khổ đến cực kỳ xa hoa chè chén; cả trong lĩnh vực chính trị người ta thấy có những mơ mộng vô kỹ cương cho đến những dự phóng của một trật tự xã hội đóng khung chặt chẽ như hệ toán hình học cùng ức bách thực hiện không chút nể nang thương xót; còn trong lĩnh vực tu đức, Không tưởng lại đã giao động giữa vô thần và lễ hội với mơ mộng một tôn giáo tân kỳ và một tôn giáo linh thiêng sơ thủy. Cũng vì thế, không có gì ngạc nhiên nếu người ta không thể định nghĩa được cái Không tưởng bởi cái nội dung của nó, và sự so sánh giữa các hình thức Không tưởng với nhau là thật rất thất vọng; cũng là bởi tính thống nhất của hiện tượng Không tưởng không phải phát xuất từ nội dung nhưng là từ chức năng của nó, một chức năng luôn đề xướng một xã hội thay thế. Chính bởi việc đề xướng này mà Không tưởng thiết định mình như là một sứ thay thế triệt để nhất đối với chức năng sát nhập của Ý hệ. Cái "nơi khác", cái "tồn tại cách khác", cái "khác hơn là tồn tại" của Không tưởng là một lời đáp nghiêm nghị cho cái "tồn tại như thế chứ không phải cái tồn tại nào khác" được Ý hệ cổ xuý theo chân chữ.

(2) Chúng ta có một xác nhận cho sự tương sánh chặt chẽ giữa Ý hệ và Không tưởng này, nếu ta nay ngẫm suy về cấp bậc thứ hai của Không tưởng. Nếu là điều chính xác, khi nói chức năng trụ cột của Ý hệ là sự chính danh hóa quyền lực, thì cũng phải nghĩ rằng, Không tưởng -mọi Không tưởng- cũng giữ một vai trò mang tính định mệnh của mình trên cùng một mặt bằng mà quyền lực thi thố cử hoạt; điều mà Không tưởng đặt thành vấn đề trong mỗi khu vực của đời sống xã hội mà chúng ta vừa nêu lên, thì cuối cùng đó là cách thức thi hành quyền lực: quyền lực gia đình và gia thất, quyền lực kinh tế và xã hội, quyền lực chính trị, văn hóa,

tôn giáo. Và như thế, người ta có thể nói, Không tưởng thiết định mình ra nhiều hình hài tưởng tượng khác nhau về quyền lực.

Cũng vì vậy mà Karl Mannheim (1893-1947), nhà xã hội học Đức, trong tác phẩm trứ danh Ý hệ và Không tưởng của ông (Ideologie und Utopie) đã định nghĩa Không tưởng: một khoảng cách giữa tưởng tượng và thực tại làm thành một đe dọa cho cho sử ổn định và thường tồn của hiện thực. Việc sắp xếp loại hình Không tưởng được Mannheim đề xuất đáp ứng thỏa mãn cho tiêu chuẩn này. Thay vì phát xuất từ hiện tượng Không tưởng của Thomas More (1478-1535), chính trị gia và triết gia Anh, người đã chế tạo ra cái ngôn từ đó, thì Mannheim đã ưu tiên phát xuất từ Thomas Münzer (hay Müntzer, 1490-1525), nhà cải cách tôn giáo Đức, mà Ernst Bloch (1885-1977), triết gia Đức, trưng ra như một nhà thần học của cách mạng. Quả thật, với Thomas More, Không tưởng chỉ là một hiện tượng văn học, cùng lắm là một hình ảnh văn phong. Nhưng với Thomas Münzer, nó là một yêu sách cơ bản phải được thực hiện -bây giờ và ở đây- mọi giấc mơ mà trí tưởng tượng đã chồng chất đưa ra, thông qua Do thái giáo và Kitôgiáo, trong những biểu đạt của thời sau cùng thường được gọi là thời cánh chung của lịch sử. Không tưởng muốn là một Cánh chung thể hiện. Tất cả những gì mà giảng thuyết Kitôgiáo dành cho giai đoạn cuối của lịch sử, thì Münzer muốn thực hiện giữa lịch sử, ngay ngày hôm nay. Tất cả những phân biệt làm ta đối chọi -nói riêng về ý thức lịch sử- giữa chờ mong, ký ức, sáng kiến- tất cả những phân biệt đó nay bị xóa nhòa trong một yêu sách không chút thỏa hiệp làm cho Nước Chúa từ trời cao nay xuống thế, làm cho sự kết thúc lịch sử nay nhập thế giữa lịch sử.

(3) Nhưng, cùng lúc khi ta hiểu và -tại sao không- ngưỡng mộ tính triệt để của Không tưởng, thì chúng ta cũng sớm nhìn ra được sự yếu kém của nó. Chính lúc mà Không tưởng nẩy sinh ra quyền lực, thì nó cũng loan báo những chính thể chuyên chế trong tương lai có thể còn tàn bạo hơn những chính thể chyên chế mà chúng muốn xóa bỏ.

Cái nghịch lý khó lường này hệ tại cái thiếu sót cơ bản, điều mà Karl Mannheim gọi là cái não trạng không tưởng, nghĩa là cái vắng bóng mọi suy tư mang tính thực hành và chính trị trên những nền tảng mà Không tưởng có thể tìm thấy trong thực tại hiện hữu, trong các thể chế và trong cái mà tôi gọi là cái khả tin sẵn có trong một thời đại.

Không tưởng làm ta thực hiện một bước nhảy đến nơi khác, với tất cả những nguy cơ của một diễn ngôn điên cuồng và có thể là đẫm máu. Một nhà tù khác được dựng lên trong tưởng tượng chung quanh những sơ đồ càng bức bách cho suy tư trong khi mọi bức bách của thực tại lại vắng bóng.

Bởi vậy, sẽ không gì ngạc nhiên, rằng cái não trạng Không tưởng mang kèm theo một sự khinh khi đối với cái logic của hành động và một sự bất năng cơ bản khả dĩ nêu ra được cái bước đầu tiên phải thực hiện trên đường hướng thành tựu khởi đi từ thực tại hiện hữu. Cũng vì vậy mà cấp bậc thứ hai của Không tưởng lại đưa đến một cấp bậc thứ ba, nơi mà cái bệnh lý của Không tưởng tỏ ra đối nghịch với cái bệnh lý của Ý hệ. Trong khi cái bệnh lý của Ý hệ dựa trên sự nghiêng chiều đến với ảo ảnh, che đậy, giấu diếm, dối trá, thì cái bệnh lý của Không tưởng lại hệ tại vào cái điên cuồng ngược lại. Nơi mà Ý hệ tăng cường cái mà Marx-trẻ gọi là cuộc sống thực, cái praxis, thì Không tưởng lại đánh mất đi chính cái hiện thể để đi tìm những sơ đồ tối tuyệt hảo đến độ bất khả thể hiện. Một thứ logic điên cuồng hoặc tất cả

hoặc không gì mảy may thay thế cho cái logic hành động, cái logic này luôn biết rằng cái đáng ước mong và khả dĩ thực hiện được không trùng khớp với nhau, và rằng hành động phát sinh ra những mâu thuẫn bất khả kháng, thí dụ như đối với các xã hội hiện đại của chúng ta, giữa đòi hỏi của công lý và đòi hỏi của bình đẳng. Cái logic của Không tưởng như thế trở nên cái logic của hoặc tất cả hoặc không mảy may chút nào làm cho kẻ này chạy trốn vào việc viết lạch, người khác trầm mình trong nhớ nhung một địa đàng đã bị đánh mất, kẻ khác nữa trong chém giết không thương tiếc.

Nhưng tôi không muốn ngừng lại với cái viễn ảnh tiêu cực về Không tưởng này; ngược lại, tôi muốn tìm ra lại cái chức năng giải phóng của Không tưởng ẩn giấu dưới các hoạt họa của chính nó. Tưởng tượng cái không-nơichốn, bây giờ có nghĩa là khai mở cái không gian khả thể. Hay là -để vẫn giữ bộ từ ngữ mà chúng ta đã sử dụng trong phần ngẫm suy của chúng ta về ý nghĩa của lịch sử- Không tưởng là sự ngăn cản cái 'Chân trời chờ mong' bị hỗn hợp với cái 'Không gian kinh nghiệm'. Đó là điều bảo trì khoảng cách giữa hi vọng và truyền thống.

—

Hai đoạn suy tư mà chúng ta vừa dành cho Ý hệ và Không tưởng đã được trình bày về sự giao thoa thiết yếu giữa Ý hệ và Không tưởng trong lĩnh vực tưởng tượng xã hội. Tất cả cho thấy dường như cái tưởng tượng này được đặt trên sự căng thẳng giữa một bên là chức năng sát nhập và một bên là chức năng lật đổ. Qua đó, xem ra cái tưởng tượng xã hội không khác gì bao lăm điều mà chúng ta biết về tưởng tượng cá nhân: hình ảnh khi thì thay thế cho sự vắng mặt của một vật hiện hữu, khi thì thay thế cho một vật hư cấu. Do đó, Kant đã có thể suy nghĩ về khái niệm sự tưởng tượng siêu nghiệm giữa trí tưởng tượng tái sản xuất và trí tưởng tượng sản xuất. Ý hệ và Không tưởng là những hình ảnh của tưởng tượng tái sản xuất và tưởng tượng sản xuất.

Mọi sự xảy ra như thể trí tưởng tượng xã hội chỉ có thể cử hoạt cái chức năng phân xuất của nó thông qua cái Không tưởng và cái chức năng tăng đôi cái hiện thực thông qua cái Ý hệ. Nhưng chưa hết. Mọi sự xảy ra như thể chúng ta chỉ có thể đạt được cái tưởng tượng xã hội thông qua những hình thức bệnh hoạn của nó, đó là những hình thức lật ngược mà György Lukács (1885-1971), triết gia Hung gia Lợi, gọi -theo truyền thống Marxit- là ý thức sai lạc. Chúng ta dường như chỉ có thể nắm bắt được năng lực sáng tạo của trí tưởng tượng thông qua một tương quan có phê phán với hai hình ảnh của ý thức sai lạc này. Nếu gợi ý này là đích xác, thì ở đây chúng ta đạt đến điểm nơi mà Ý hệ và Không tưởng bổ sung nhau, không phải chỉ vì tính cách song đôi của chúng, nhưng là bởi những trao đổi giữa chúng với nhau.

Quả thật, xem ra chúng ta luôn cần đến Không tưởng, trong chức năng cơ bản của nó là sự phủ nhận và đồng thời là sự phóng chiếu đến một nơi khác cơ bản, để thể hiện một sự phản biện cũng cơ bản về các Ý hệ. Nhưng điều ngược lại cũng đúng. Mọi sự xảy ra như thể, để chữa trị cái Không tưởng khỏi cái ngông cuồng, điều mà nó không ngừng có thể bị sa vào, thì lại phải nại đến cái chức năng lành mạnh của Ý hệ, cái năng lực đưa lại cho một cộng đoàn lịch sử cái tương đồng mà ta có thể gọi là một căn tính tự thuật.

—

Tôi dừng lại nơi đây, khi mà cái nghịch lý của tưởng tượng xã hội là lớn nhất: để có thể mơ ước một nơi khác, thì đã phải thủ đắc được -nhờ vào một sự diễn giải luôn luôn mới mẻ về những truyền thống mà ta đã có được- cái như là một bản sắc tự thuật; và đàng khác, những Ý hệ -trong đó cái bản sắc tự thuật này được cất giấu- kêu gọi đến một ý thức có đủ năng lực tự nhìn vào chính mình không chút do dự bất cứ từ nơi đâu.

./. ./.